

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SOMECO SÔNG ĐÀ**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>13 - 39</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 6 năm 2012.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty.

**Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16:**

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tổng Công ty Sông Đà	35.700.000.000	51
Các cổ đông khác	34.300.000.000	49
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 3783 2398  
Fax : (84-4) 3783 2397  
Website : <http://www.someco.com.vn>  
E-mail : [Info@someco.com.vn](mailto:Info@someco.com.vn)  
Mã số thuế : 5 4 0 0 2 4 0 5 7 3

**Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại Miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là:**

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây chuyên công nghệ công nghiệp. Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ;
- Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thoongstin (SCADA, EMS, DMS, RTU);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, mua bán khí oxy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Đúc sắt thép, kim loại màu; Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác./.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Mạnh Hà	Chủ tịch	22 tháng 7 năm 2013	
Ông Nguyễn Anh	Chủ tịch	10 tháng 4 năm 2011	22 tháng 7 năm 2013
Ông Nguyễn Anh	Ủy viên	22 tháng 7 năm 2013	
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Văn Thương	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2013	
Ông Nguyễn Hồng Phong	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	30 tháng 6 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	10 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 03 năm 2013

15-  
NHÁ  
IG T  
EM H  
VA  
& C  
HÀ  
3 - T





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Số: 349/2013/BCTC-KTTV-KT3



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Thị Tư**

*Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1*

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013.

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Khoa**

*Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1*

02-C  
H  
Y  
TƯ HAI  
TƯ VẤN  
01  
P. HA

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>422.010.754.016</b>	<b>377.587.855.754</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.478.440.195</b>	<b>11.174.073.788</b>
1. Tiền	111		9.478.440.195	11.174.073.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.277.200.000</b>	<b>10.277.200.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>291.117.209.997</b>	<b>257.686.746.048</b>
1. Phải thu khách hàng	131		224.683.134.839	214.751.627.209
2. Trả trước cho người bán	132		20.819.105.401	4.213.335.788
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	45.614.969.757	38.721.783.051
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>97.091.446.454</b>	<b>87.269.600.193</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	97.091.446.454	87.269.600.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.046.457.370</b>	<b>11.180.235.725</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.822.672.284	2.463.141.752
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	6.223.785.086	8.717.093.973

T. T. NH. H. H.  
NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>159.386.391.372</b>	<b>167.021.285.480</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.397.718.674</b>	<b>45.466.563.803</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	38.708.136.274	43.772.563.803
<i>Nguyên giá</i>	222		103.604.956.071	105.045.526.486
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(64.896.819.797)	(61.272.962.683)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.120.000.000	2.120.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(500.000.000)	(500.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		69.582.400	74.000.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>90.968.354.909</b>	<b>92.481.209.088</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	96.820.171.874	93.789.050.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	1.150.000.000	1.150.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(7.001.816.965)	(2.457.840.912)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.020.317.789</b>	<b>29.073.512.589</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	28.020.317.789	28.073.512.589
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>581.397.145.388</b>	<b>544.609.141.234</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>456.654.084.585</b>	<b>414.643.802.906</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>417.546.860.526</b>	<b>374.292.929.375</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	189.507.152.928	192.219.400.391
2. Phải trả người bán	312		98.739.746.473	60.020.350.113
3. Người mua trả tiền trước	313		42.760.920.212	26.687.099.296
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	27.919.509.394	23.583.024.928
5. Phải trả người lao động	315		4.749.477.545	11.355.957.486
6. Chi phí phải trả	316	V.14	19.132.037.325	32.569.326.572
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	34.349.403.569	27.418.957.509
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	388.613.080	438.813.080
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.107.224.059</b>	<b>40.350.873.531</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		26.669.825.361	26.669.825.361
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	5.876.838.190	7.899.395.740
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.18	6.560.560.508	5.781.652.430
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>124.743.060.803</b>	<b>129.965.338.328</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>124.743.060.803</b>	<b>129.965.338.328</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		30.472.209.826	30.472.209.826
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.435.327.042	3.435.327.042
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.908.346.708	14.130.624.233
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>581.397.145.388</b>	<b>544.609.141.234</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	158,01
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.136.064.995	145.302.556.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.516.621	62.705.498
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.123.548.374	145.239.850.689
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79.293.155.946	114.514.668.900
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.830.392.428	30.725.181.789
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.886.626.899	10.745.485.786
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.967.026.840	23.324.989.233
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.423.050.787	23.082.581.373
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.929.548.407	10.037.778.918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.820.444.080	8.107.899.424
11. Thu nhập khác	31		-	61.542.213
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.519.844.090	843.608.718
13. Lợi nhuận khác	40		(1.519.844.090)	(782.066.505)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.300.599.990	7.325.832.919
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.222.877.515	1.645.616.168
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.077.722.475</u>	<u>5.680.216.751</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.300.599.990	7.325.832.919
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.928.396.190	4.883.104.526
- Các khoản dự phòng	03	4.543.976.053	(5.925.532.140)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.833.966.045)	(4.519.544.240)
- Chi phí lãi vay	06	13.423.050.787	23.082.581.373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.362.056.975	24.846.442.438
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(37.559.214.444)	37.352.036.787
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.821.846.261)	15.465.097.687
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	39.859.129.071	(43.245.794.804)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	329.643.739	116.512.022
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.709.770.681)	(20.528.610.439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(300.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.410.028.850	1.615.348.791
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(50.200.000)	(10.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.480.172.751)	15.610.832.482
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(136.000.000)	(146.945.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.031.121.874)	(15.797.940.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	10.362.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.686.466.045	10.687.484.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.519.344.171	5.105.098.785

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		86.851.306.521	74.019.266.957
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(91.586.111.534)	(95.094.810.903)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.734.805.013)	(21.075.543.946)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.695.633.593)	(359.612.679)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.174.073.788	11.284.015.967
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.478.440.195	10.924.403.288

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Lưu Giám đốc



Trần Thanh Sơn



# **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
3. **Hoạt động chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 488 nhân viên đang làm việc (Số cuối năm trước là 632 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

##### ***Giá trị thương hiệu Sông Đà***

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

##### ***Chi phí thuê văn phòng***

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng văn phòng.

#### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

##### ***Chi phí bảo hành công trình xây lắp***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

##### ***Các hợp đồng có rủi ro lớn***

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

#### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu xây dựng***

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **16. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*  
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.867.303.196	513.915.485
Tiền gửi ngân hàng	6.611.136.999	10.660.158.303
<b>Cộng</b>	<b>9.478.440.195</b>	<b>11.174.073.788</b>

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
<b>Cộng</b>		<b>10.277.200.000</b>		<b>10.277.200.000</b>

##### 3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Sông Đà 7	996.116.691	646.781.701
Phải thu các Công ty con	1.232.000.000	1.232.000.000
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	43.235.906.251	34.265.180.258
Các khoản phải thu khác	2.161.980.025	2.161.980.025
<b>Cộng</b>	<b>150.946.815</b>	<b>415.841.067</b>
	<b>45.614.969.757</b>	<b>38.721.783.051</b>

##### 4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.860.582.580	2.391.371.522
Công cụ, dụng cụ	607.789.220	612.667.018
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.623.074.654	84.265.561.653
<b>Cộng</b>	<b>97.091.446.454</b>	<b>87.269.600.193</b>

##### 5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	5.968.559.086	6.051.839.123
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	255.226.000	2.665.254.850
<b>Cộng</b>	<b>6.223.785.086</b>	<b>8.717.093.973</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.704.445.436	65.745.508.317	21.380.820.960	3.214.751.773	105.045.526.486
Tăng do mua sắm mới		136.000.000			136.000.000
Giảm do phân loại sang CCDC		(810.338.255)		(766.232.160)	(1.576.570.415)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.704.445.436</b>	<b>65.071.170.062</b>	<b>21.380.820.960</b>	<b>2.448.519.613</b>	<b>103.604.956.071</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.959.985.000	12.917.270.102	4.242.646.151	476.653.960	19.596.555.213
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.727.262.168	38.260.213.121	18.040.907.877	1.244.579.517	61.272.962.683
Khấu hao trong năm	708.025.578	3.025.004.645	864.082.003	331.283.964	4.928.396.190
Giảm do phân loại sang CCDC		(753.144.429)		(551.394.647)	(1.304.539.076)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.435.287.746</b>	<b>40.532.073.337</b>	<b>18.904.989.880</b>	<b>1.024.468.834</b>	<b>64.896.819.797</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10.977.183.268	27.485.295.196	3.339.913.083	1.970.172.256	43.772.563.803
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.269.157.690</b>	<b>24.539.096.725</b>	<b>2.475.831.080</b>	<b>1.424.050.779</b>	<b>38.708.136.274</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 29.067.302.550 VND và 7.675.897.809 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		500.000.000	500.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.620.000.000</b>		<b>1.620.000.000</b>

#### 8. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 <sup>(i)</sup>	3.944.965	39.449.653.785	3.786.180	37.861.800.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang <sup>(ii)</sup>	3.972.052	39.720.518.089	3.827.725	38.277.250.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình <sup>(iii)</sup>	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco <sup>(iv)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco <sup>(v)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>96.820.171.874</b>		<b>93.789.050.000</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 5.580.000.000 VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã đầu tư 39.449.653.785 VND, tương đương 42% vốn điều lệ (số đầu năm là 37.861.800.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 13.190.346.215 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Theo nghị quyết số 21/NQ/HĐQT ngày 27/07/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà về việc tiếp tục góp vốn vào dự án Thủy điện Nậm Ly 1, Công ty sẽ đảm nhận và tiếp tục góp toàn bộ số vốn còn góp thiếu của các cổ đông còn lại không góp. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã đầu tư 39.720.518.089 VND,



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

tương đương 68% vốn điều lệ (số đầu năm là 38.277.250.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang là 14.118.759.911 VND.

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5400351298 ngày 31 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư đủ 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco.

#### 9. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản nhận ủy thác đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà.

#### 10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng khoản lỗ của các công ty con

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.457.840.912)	(6.366.000.000)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(4.543.976.053)	(440.467.860)
Hoàn nhập trong kỳ		6.366.000.000
Số cuối kỳ	<u>(7.001.816.965)</u>	<u>(440.467.860)</u>

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất Xưởng cơ khí Đà Nẵng	8.350.028.275		286.388.798	8.063.639.477
Thuê văn phòng tại tòa nhà HH4	19.723.484.314		38.837.341	19.684.646.973
Công cụ dụng cụ		272.031.339		272.031.339
<b>Cộng</b>	<b>28.073.512.589</b>	<b>272.031.339</b>	<b>325.226.139</b>	<b>28.020.317.789</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	143.730.918.357	146.889.286.922
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	129.952.682.742	129.989.820.040
- Ngân hàng TMCP An Bình		3.121.231.267
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	13.778.235.615	13.778.235.615
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	45.314.984.571	40.290.648.609
- Tổng Công ty Sông Đà	29.314.984.571	22.814.984.571
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	16.000.000.000	17.475.664.038
Vay dài hạn đến hạn trả	461.250.000	5.039.464.860
<b>Cộng</b>	<b>189.507.152.928</b>	<b>192.219.400.391</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	146.889.286.922	40.290.648.609	5.039.464.860	192.219.400.391
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	80.351.306.521	6.500.000.000		86.851.306.521
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(83.509.675.086)	(1.475.664.038)	(4.578.214.860)	(89.563.553.984)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>143.730.918.357</b>	<b>45.314.984.571</b>	<b>461.250.000</b>	<b>189.507.152.928</b>

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.337.667.481	3.535.233.635	265.625.583	17.607.275.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.351.088.941	1.222.877.515	300.000.000	8.273.966.456
Thuế thu nhập cá nhân	1.894.268.506	143.998.899		2.038.267.405
Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>23.583.024.928</b>	<b>4.907.110.049</b>	<b>570.625.583</b>	<b>27.919.509.394</b>

##### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5% - 10%

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.300.599.990	7.325.832.919
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(483.069.616)	(743.368.246)
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	664.430.384	742.134.254
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(1.147.500.000)	(1.485.502.500)
Thu nhập chịu thuế	1.817.530.374	6.582.464.673
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>454.382.594</b>	<b>1.645.616.168</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>454.382.594</b>	<b>1.645.616.168</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>768.494.921</b>	
<b>Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.222.877.515</b>	<b>1.645.616.168</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lãi tiền vay	2.647.153.949	2.106.878.828
Chi phí công trình	12.585.662.330	26.585.876.199
Chi phí khác	3.899.221.046	3.876.571.545
<b>Cộng</b>	<b>19.132.037.325</b>	<b>32.569.326.572</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	2.290.040.885	2.576.760.779
BHXH, BHYT, BHTN	8.889.229.060	7.186.443.528
Cổ tức phải trả	16.817.450.460	10.517.450.460
Tổng Công ty Sông Đà	1.683.667.237	3.009.875.233
Quỹ tự nguyện	89.910.064	104.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	83.401.100	427.338.003
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	300.000.000	300.000.000
Tiền phạt thuế	2.061.063.372	1.396.632.988
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Các khoản phải trả khác	984.641.391	749.772.019
<b>Cộng</b>	<b>34.349.403.569</b>	<b>27.418.957.509</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	438.813.080	(392.141.954)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Chi quỹ trong năm	(50.200.000)	(10.200.000)
Số cuối kỳ	<u>388.613.080</u>	<u>(402.341.954)</u>

#### 17. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình <sup>(i)</sup>	4.723.713.190	6.746.270.740
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội <sup>(ii)</sup>	1.153.125.000	1.153.125.000
Cộng	<u>5.876.838.190</u>	<u>7.899.395.740</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình để đầu tư thiết bị phục vụ thi công lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Tuyên Quang và Nhà máy xi măng Hạ Long với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 3%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua xe cầu bánh lốp với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ 01 xe cần trục bánh lốp.

#### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	461.250.000	5.039.464.860
Trên 1 năm đến 5 năm	5.876.838.190	7.899.395.740
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>6.338.088.190</u>	<u>12.938.860.600</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.899.395.740	8.821.895.740
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả	(2.022.557.550)	
Số cuối kỳ	<u>5.876.838.190</u>	<u>8.821.895.740</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 18. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	4.335.371.553	3.556.463.475
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
<b>Cộng</b>	<b>6.560.560.508</b>	<b>5.781.652.430</b>

**Chi phí bảo hành công trình xây lắp:** chủ yếu là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến.

#### **Các hợp đồng có rủi ro lớn**

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình.

#### 19. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ này	Chia cổ tức trong năm	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000			70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227			11.927.177.227
Quỹ đầu tư phát triển	30.472.209.826			30.472.209.826
Quỹ dự phòng tài chính	3.435.327.042			3.435.327.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.130.624.233	1.077.722.475 (6.300.000.000)		8.908.346.708
<b>Cộng</b>	<b>129.965.338.328</b>	<b>1.077.722.475</b>	<b>(6.300.000.000)</b>	<b>124.743.060.803</b>

#### **Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	100.136.064.995	145.302.556.187
- Doanh thu hoạt động xây dựng	97.898.819.406	142.643.469.833
- Doanh thu bán hàng hóa và khác	2.237.245.589	2.659.086.354
Các khoản giảm trừ doanh thu:	12.516.621	62.705.498
- Giảm giá hàng bán	12.516.621	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>100.123.548.374</b>	<b>145.239.850.689</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	97.886.302.785	142.580.764.335
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và khác	2.237.245.589	2.659.086.354

##### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	78.798.155.946	114.183.791.883
Giá vốn của hàng hóa đã bán	495.000.000	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		330.877.017
<b>Cộng</b>	<b>79.293.155.946</b>	<b>114.514.668.900</b>

##### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		18.206.664
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	52.660.854	39.794.882
Lãi cho vay vốn	7.686.466.045	9.201.981.740
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.147.500.000	1.485.502.500
<b>Cộng</b>	<b>8.886.626.899</b>	<b>10.745.485.786</b>

##### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.423.050.787	23.082.581.373
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		6.167.940.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.543.976.053	(5.925.532.140)
<b>Cộng</b>	<b>17.967.026.840</b>	<b>23.324.989.233</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.318.816.401	5.243.997.630
Chi phí vật liệu quản lý	336.695.046	406.748.509
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.274.095	108.052.791
Chi phí khấu hao TSCĐ	584.825.730	285.634.074
Thuế, phí và lệ phí	20.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng		217.344.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.149.434	1.999.507.637
Chi phí bằng tiền khác	1.153.787.701	1.771.493.651
<b>Cộng</b>	<b>7.929.548.407</b>	<b>10.037.778.918</b>

#### 6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	664.430.384	96.355.964
Phạt chậm nộp bảo hiểm	855.413.706	742.134.254
<b>Cộng</b>	<b>1.519.844.090</b>	<b>843.608.718</b>

#### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không phản ánh chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" đối với trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	218.740.274	1.093.494.504
Phụ cấp	14.490.000	85.680.000
<b>Cộng</b>	<b>233.230.274</b>	<b>1.179.174.504</b>

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Phát triển Thủy điện Cao nguyên Sông Đà	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Giá trị công trình thực hiện cho Tập đoàn	6.007.087.356	42.856.211.568
Nhận ứng trước tiền thi công	12.059.002.920	
Phí bảo lãnh phải trả	69.770.850	
Thanh toán công nợ	1.338.777.320	86.351.025.593
Vay vốn lưu động của Tập đoàn		15.000.000.000
Trả gốc tiền vay Tập đoàn		12.814.702.929
Lãi tiền vay phải trả Tập đoàn	1.068.813.499	1.909.378.488
<b>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</b>		
Bù trừ công nợ		3.703.065.222
Góp vốn vào Công ty con	1.587.853.785	5.580.000.000
<b>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</b>		
Góp vốn vào Công ty con	1.443.268.089	4.050.000.000
<b>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</b>		
Nhượng bán vật tư thiết bị cho Công ty con		236.647.888
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con	63.806.191	13.024.338.350
Giá trị công trình do Công ty con cung cấp	32.761.611.391	66.093.623.858

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ	31.123.436.583	37.771.460.375
Lãi cho Công ty con chiếm dụng vốn lưu động	5.090.444.515	9.201.981.740
Phụ phí thu của Công ty con	1.310.464.456	1.957.113.920
Cho Công ty con vay vốn lưu động	37.445.434.920	19.532.958.954
Cổ tức phải thu của Công ty con	1.147.500.000	
Các khoản Công ty con chi hộ	1.203.627.654	1.485.502.500
<b>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</b>		
Công ty con cung cấp dịch vụ thiết kế	73.377.176	4.653.421.975
Thanh toán tiền cho Công ty con		86.425.063
Bù trừ công nợ	200.000.000	8.664.774.310
Cho Công ty con vay vốn lưu động	2.505.536.223	1.746.848.859
Phụ phí thu của Công ty con	89.981.554	113.840.747
Lãi vay phải thu Công ty con	411.107.917	333.287.630
<b>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</b>		
Công ty con thanh toán tiền cho Someco		2.285.714.285
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con	455.016.000	1.379.000.000
Giá trị công trình xây lắp Công ty con thực hiện	1.571.679.777	3.402.807.113
Cho Công ty con vay vốn lưu động	4.732.272.323	8.721.441.223
Phụ phí thu của Công ty con	341.799.579	64.899.245
Lãi cho Công ty con chiếm dụng vốn lưu động	2.184.913.613	
Nhượng bán vật tư thiết bị cho Công ty con		34.229.129
Bù trừ công nợ	815.607.929	6.032.530.690
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	1.456.592.955	45.143.273.770
Ứng trước tiền thi công	12.059.002.920	
<b>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</b>		
Phải thu khác	33.171.655	15.728.294
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	1.312.771.231	
Ứng trước tiền thi công	5.592.360.268	
<b>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</b>		
Phải thu khác	4.000.000	4.000.000
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	394.807.803	
Ứng trước tiền thi công	1.958.520.528	
<b>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</b>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	1.760.679.952	
Phải thu khác	14.761.876.861	13.419.746.427



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</b>		
Phải thu tiền bán vật tư, thiết bị		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	2.754.870.393	2.856.535.727
Phải thu khác	23.047.953.586	16.149.559.245
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	269.549.734	
<b>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</b>		
Ứng trước tiền thiết kế công trình xây lắp	7.055.122.149	2.856.535.727
Phải thu khác	6.470.073.399	3.971.504.626
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên</b>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	53.770.789.691	53.870.789.691
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc</b>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	3.282.873.614	3.282.873.614
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà</b>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	12.609.015.365	14.582.106.469
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>148.594.032.104</b>	<b>156.152.653.590</b>
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Phải trả tiền vay ngắn hạn		22.814.984.571
Phải trả cổ tức		5.355.000.000
Phải trả lãi vay		3.009.875.233
Phải trả tiền thuê văn phòng		19.758.270.000
<b>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</b>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp		4.262.145.676
Phải trả khác		
<b>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</b>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp		1.563.712.725
<b>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</b>		
Phải trả khối lượng thi công hoàn thành	42.305.689.763	
Phải trả khác	38.726.029	
<b>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</b>		
Phải trả khối lượng thi công hoàn thành	6.831.514.416	
<b>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</b>		
Phải trả khác	2.656.487.709	
<b>Công ty Cổ phần Cao nguyên Sông Đà</b>		
Phải trả khác	360.908.896	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>52.193.326.813</b>	<b>56.763.988.205</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	97.886.302.785	2.237.245.589		100.123.548.374
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>97.886.302.785</b>	<b>2.237.245.589</b>		<b>100.123.548.374</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.088.146.839	1.742.245.589		20.830.392.428
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.929.548.407)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.900.844.021
Doanh thu hoạt động tài chính				8.886.626.899
Chi phí tài chính				(17.967.026.840)
Thu nhập khác				(1.519.844.090)
Chi phí khác				(1.222.877.515)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>1.077.722.475</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>105.724.956.071</b>			<b>105.724.956.071</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5.253.622.329</b>			<b>5.253.622.329</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Xây lắp</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	142.580.764.335	2.659.086.354		145.239.850.689
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>142.580.764.335</b>	<b>2.659.086.354</b>		<b>145.239.850.689</b>
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.359.193.534	2.328.209.337		20.687.402.871
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.687.402.871
Doanh thu hoạt động tài chính				10.745.485.786
Chi phí tài chính				(23.324.989.233)
Thu nhập khác				61.542.213
Chi phí khác				(843.608.718)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.645.616.168)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>5.680.216.751</b>
 <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>267.045.455</b>			<b>267.045.455</b>
 <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>4.999.616.548</b>			<b>4.999.616.548</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	630.795.909.489		(150.644.319.010)	480.151.590.479
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				101.245.554.909
<b>Tổng tài sản</b>				<b>581.397.145.388</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>607.298.403.595</b>		<b>(150.644.319.010)</b>	<b>456.654.084.585</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				456.654.084.585
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>456.654.084.585</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	705.152.634.581		(263.301.902.435)	441.850.732.146
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				102.758.409.088
<b>Tổng tài sản</b>				<b>544.609.141.234</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>677.945.705.341</b>		<b>(263.301.902.435)</b>	<b>414.643.802.906</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				414.643.802.906
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>414.643.802.906</b>

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

#### Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con mượn vốn lưu động. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.478.440.195			9.478.440.195
Phải thu khách hàng	224.683.134.839			224.683.134.839
Các khoản cho vay	43.235.906.251			43.235.906.251
Các khoản phải thu khác	2.634.289.506			2.634.289.506
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10.277.200.000			10.277.200.000
<b>Cộng</b>	<b>290.308.970.791</b>			<b>290.308.970.791</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.174.073.788			11.174.073.788
Phải thu khách hàng	214.751.627.209			214.751.627.209
Các khoản cho vay	34.265.180.258			34.265.180.258
Các khoản phải thu khác	4.897.254.850			4.897.254.850
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10.277.200.000			10.277.200.000
<b>Cộng</b>	<b>275.365.336.105</b>			<b>275.365.336.105</b>

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	189.507.152.928	5.876.838.190		195.383.991.118
Phải trả người bán	98.739.746.473	26.669.825.361		125.409.571.834
Các khoản phải trả khác	43.081.079.027	5.781.652.430		48.862.731.457
<b>Cộng</b>	<b>331.327.978.428</b>	<b>38.328.315.981</b>		<b>369.656.294.409</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	192.219.400.391	7.899.395.740		200.118.796.131
Phải trả người bán	60.020.350.113	26.669.825.361		86.690.175.474
Các khoản phải trả khác	36.729.201.805	5.781.652.430		42.510.854.235
<b>Cộng</b>	<b>288.968.952.309</b>	<b>40.350.873.531</b>		<b>329.319.825.840</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính, tuy nhiên, Công ty đang và sẽ thực hiện đàm phán để gia hạn thời gian trả nợ của các khoản vay. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ gồm rủi ro lãi suất.

Phân tích về độ nhạy và các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Các khoản cho vay	43.235.906.251	34.265.180.258
Vay và nợ	(216.176.978.289)	(200.118.796.131)
Nợ phải trả thuần	(172.941.072.038)	(165.853.615.873)

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.478.440.195		11.174.073.788		9.478.440.195	11.174.073.788
Phải thu khách hàng	224.683.134.839		214.751.627.209		224.683.134.839	214.751.627.209
Các khoản cho vay	43.235.906.251		34.265.180.258		43.235.906.251	34.265.180.258
Các khoản phải thu khác	2.634.289.506		4.897.254.850		2.634.289.506	4.897.254.850
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10.277.200.000		10.277.200.000		10.277.200.000	10.277.200.000
<b>Cộng</b>	<b>290.308.970.791</b>		<b>275.365.336.105</b>		<b>290.308.970.791</b>	<b>275.365.336.105</b>

##### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	195.383.991.118	200.118.796.131	195.383.991.118	200.118.796.131
Phải trả người bán	125.409.571.834	86.690.175.474	125.409.571.834	86.690.175.474
Các khoản phải trả khác	48.862.731.457	42.510.854.235	48.862.731.457	42.510.854.235
<b>Cộng</b>	<b>369.656.294.409</b>	<b>329.319.825.840</b>	<b>369.656.294.409</b>	<b>329.319.825.840</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Canh

Đàm Trung Kiên

Trần Thanh Sơn

